

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2016/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 15 tháng 7 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về quy định mức thu, quản lý và sử dụng
phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất;
khai thác sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước,
công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN KHOÁ VII, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP, ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP, ngày 6/3/2006 của Chính phủ về việc sửa đổi Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT, ngày 30/3/2010 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường;

Sau khi xem xét Tờ trình số 69/TTr-UBND, ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Đối tượng nộp phí

Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ quan thu phí

Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Mức thu phí

3.1. Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất

- Đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200m³/ngày đêm: 300.000 đồng/đề án, báo cáo.

- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 200m³ đến dưới 500m³/ngày đêm: 800.000 đồng/đề án, báo cáo.

- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 500m³ đến dưới 1.000m³/ngày đêm: 1.800.000 đồng/đề án, báo cáo.

- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000m³ đến dưới 3.000m³/ngày đêm: 3.500.000 đồng/đề án, báo cáo.

- Trường hợp thăm định gia hạn, bổ sung áp dụng mức thu bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu theo quy định trên.

3.2. Phí thăm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt

- Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng nước dưới 0,1m³/giây hoặc để phát điện với công suất dưới 50KW hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng nước dưới 500m³/ngày đêm: 450.000 đồng/đề án, báo cáo.

- Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng nước từ 0,1m³/giây đến dưới 0,5m³/giây hoặc để phát điện với công suất từ 50KW đến dưới 200KW hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng nước từ 500m³ đến dưới 3.000m³/ngày đêm: 1.400.000 đồng/đề án, báo cáo.

- Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng nước từ 0,5m³/giây đến dưới 1m³/giây hoặc để phát điện với công suất từ 200KW đến dưới 1.000KW hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng nước từ 3.000m³ đến dưới 20.000m³/ngày đêm: 3.200.000 đồng/đề án, báo cáo.

- Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng nước từ 1m³/giây đến dưới 2m³/giây hoặc để phát điện với công suất từ 1.000KW đến dưới 2.000KW hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng nước từ 20.000m³ đến dưới 50.000m³/ngày đêm: 6.500.000 đồng/đề án, báo cáo.

- Trường hợp thăm định gia hạn, bổ sung áp dụng mức thu bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu theo quy định trên.

3.3. Phí thăm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi

- Đề án, báo cáo có lưu lượng nước dưới 100m³/ngày đêm: 500.000 đồng/đề án, báo cáo.

- Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 100m³ đến dưới 500m³/ngày đêm: 1.400.000 đồng/đề án, báo cáo.

- Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 500m³ đến dưới 2.000m³/ngày đêm: 3.200.000 đồng/đề án, báo cáo.

- Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 2.000m³ đến dưới 5.000m³/ngày đêm: 6.500.000 đồng/đề án, báo cáo.

- Trường hợp thăm định gia hạn, bổ sung áp dụng mức thu bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu theo quy định trên.

4. Quản lý phí thu được

Cơ quan thu phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh được trích 50% số tiền phí thu được trước khi nộp phần còn lại 50% vào ngân sách nhà nước.

Nguồn thu để lại đơn vị sử dụng theo nội dung hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC, ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC, ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2016.

Nghị quyết này bãi bỏ quy định về phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thuỷ lợi mục II Danh mục kèm theo Nghị quyết 92/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của HĐND tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khoá VII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2016./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn

Việt